

# DI SẢN VĂN HOÁ TRONG QUÁ TRÌNH

## phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa

VƯƠNG VĂN VIỆT\*

Xứ Thanh từ xa xưa đã nổi tiếng là địa bàn đất rộng, người đông, có đủ các vùng miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển, là nơi quần cư của nhiều dân tộc, có những sắc thái rõ nét.

Thanh Hoá là vùng nối của Bắc Bộ và Trung Bộ, địa hình khá phức tạp, với 3/4 diện tích là đồi núi hiểm trở ở phía Tây; độ dốc lớn, sông ngòi, khe suối chảy xiết. Vùng hạ lưu sông Mã, sông Chu (hai con sông lớn nhất của tỉnh) là những dải đồng bằng xen lẫn những núi đất, núi đá - vùng sản xuất lương thực chủ yếu của tỉnh. Sinh sống trên địa hình ấy, lại ở vào vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu khắc nghiệt, đất đai không thuộc diện màu mỡ... nên con người xứ Thanh buộc phải vật lộn với thiên nhiên để tạo dựng cuộc sống. Cũng chính vùng đất này đã hun đúc nên tính cách mạnh mẽ, khảng khái, trung thực, coi thường hiểm nguy, song cũng rất mộc mạc, chân thành, với tấm lòng nhân hậu, thủy chung của con người xứ Thanh. Theo Phan Huy Chú: "Thanh Hoá mạch núi cao vót, sông lớn lượn quanh, biển ở phía Đông, Ai Lao

sát phía Tây, Bắc giáp trấn Sơn Nam, Nam giáp đạo Nghệ An. Núi sông rất đẹp, là một chỗ đất có cảnh đẹp ở nơi xung yếu. Các triều trước vẫn gọi là một trấn, rất quan trọng. Đến Lê, lại là nơi căn bản. Về non sông tốt tươi chung đúc nên, sinh ra nhiều bậc vương tướng, khí tinh hoa tụ họp lại, nảy sinh ra nhiều văn nho. Đến những sản vật quý cũng khác mọi nơi. Bởi vì đất thiêng thì người giỏi nên nảy ra những bậc phi thường; vương khí chung đúc, nên xứng đáng đứng đầu cả nước" (*Lịch triều hiến chương loại chí*).

Văn minh của xứ Thanh xuất hiện sớm trong nền văn minh của người Việt cổ, biểu hiện qua các thời kỳ từ đồ đá đến đồ đồng. Những di chỉ khảo cổ học ở núi Đọ (Thiệu Hoá), Con Moong (Thạch Thành), Mái Đá Điều (Bá Thước), Đa Bút (Vĩnh Lộc), Đông Sơn (TP. Thanh Hoá), Hoa Lộc (Hậu Lộc), và gần đây, là bản Khặt, Cẩm Thành (Cẩm Thủy)... qua các lần khai quật đã phản ánh hết sức cụ thể và sinh động về bàn tay lao động sáng tạo, khéo léo tài hoa của người xứ Thanh từ thuở xa xưa. Những công cụ lao động tinh xảo, kiến

\* PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

trúc, điêu khắc, các nghề thủ công truyền thống được kế thừa và phát huy từ đời này qua đời khác trên khắp các vùng lưu vực của sông Mã, sông Chu, từ vùng núi, trung du, đồng bằng và ven biển. Những búa, rìu đá, mũi tên đồng, kiếm, thạp đồng... đều được chế tác khá tinh xảo. Trống đồng Đông Sơn với những cảnh lao động sản xuất, sinh hoạt, những đường nét hoa văn tuyệt mỹ, sống động biểu hiện kỹ thuật sản xuất ở trình độ cao của người Việt thời kỳ văn hoá Đông Sơn, thời đại Hùng Vương. Kỹ thuật chạm khắc đá tài hoa, thể hiện qua những đường nét uyển chuyển tạo hình các bầy voi, ngựa, hổ, chó, phỗng... ở các huyện Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân... và toà thành đá nhà Hồ sừng sững hơn 600 năm thì gan cùng tuế nguyệt đã khẳng định nghề chế tác đá ở xứ Thanh có từ rất sớm. Nghề mộc nổi tiếng ở Đạ Tải (Hoàng Hoá); nghề gốm, sành, sứ ở TP. Thanh Hoá, Đông Sơn, Thiệu Hoá, Hoàng Hoá; nghề rèn ở Hậu Lộc và ở nhiều làng bản thuộc miền núi... Những hoa văn trên thổ cẩm chăn, gối, khăn đội đầu, váy, áo... với những sắc màu sặc sỡ, duyên dáng của người Mường, Thái, Dao, Tày, Mông, Khơ Mú, là minh chứng về sự khéo léo, tài hoa của con người trong lịch sử và hiện tại.

Với thế núi sông hùng vĩ, hiểm trở, tự nhiên xứ Thanh đã tạo nên những danh thắng nổi tiếng như: Hang Tả Thước (Nga Sơn); động Hồ Công, Kim Sơn, Tiên Sơn (Vĩnh Lộc); động Long Quang, Tiên Sơn, Hàm Rồng (TP. Thanh Hoá), động Trường Lâm (Tĩnh Gia); hòn Trống Mái, núi Trường Lệ (Sầm Sơn), cửa Hà (Cẩm Thủy)... Bút tích của các vua chúa, danh nhân như Lê Thánh Tông, Trịnh Sâm, Lê Quý Đôn, Phùng Khắc Khoan còn lưu lại ở nhiều hang động: Tả Thước, Hồ Công, Long Quang, Bàn A. Dường như mỗi thôn, làng của tỉnh Thanh đều gắn liền với những truyền thuyết, huyền thoại, những nhân vật thể hiện rõ sự đấu tranh gian lao vất vả, niềm khát vọng lạc quan của con người trong công cuộc khai phá đất đai, phát triển sản xuất và đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ sự yên vui cho cuộc sống. Hình tượng thần Độc Cước tự xẻ thân mình ra làm đôi, nửa để bảo vệ đất liền, nửa hiến dâng cho công cuộc bảo vệ biển cả, đã phản ánh niềm tin, khát vọng của nhân dân trong công cuộc chinh phục và cải tạo tự nhiên, khẳng định

người lao động xứ Thanh vừa sớm biết trồng lúa nước, vừa sớm biết phát triển ngư nghiệp...

Nằm trong vùng khí hậu nắng lắm, mưa nhiều, địa hình dốc, các sông suối chảy xiết, nên công cuộc đắp đê chinh phục dòng sông có từ rất sớm. Câu hò của người lao động trên sông ướm đầm mỡ hôi, phản ánh nỗi vất vả, nhọc nhằn (trong hò *mắc cạn*) nhưng vẫn tràn đầy khí thế khoẻ khoắn lạc quan. Những khi thuận buồm xuôi gió, dòng sông dát ánh trăng vàng, thì câu hò *đường xuôi* lại thấm đẫm men say của mỗi tình sông nước. Những chặng hò, những con đò, bến nước trên dòng sông Mã cho thấy sự giao lưu kinh tế xuôi ngược đã được rộng mở từ rất sớm.

Có thể nói rằng, trên tất cả vùng, miền của xứ Thanh, những truyền thuyết, giai thoại dân gian đã được bảo lưu, kế thừa và phát triển từ đời này qua đời khác. Những sinh hoạt văn hoá dân gian của các tộc người tuy có nhiều sắc thái riêng biệt, nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng. Dân ca Đông Anh, bên cạnh loạt bài mô tả sự lao động cần cù, vất vả mệt nhọc không kể ngày đêm của người nông dân trong thời vụ (các bài *Vãi mạ*, *Đi cấy*), lại xen nét tươi tắn, trẻ trung, không cam chịu sự ràng buộc của trật tự lễ giáo phong kiến (*Cửa đóng mà then không cài*, *Chơi trăng ngoài thêm...*).

Hệ thống trò chơi, trò diễn của xứ Thanh cũng ra đời từ khá sớm và ngày càng hoàn thiện, đạt tới trình tự nghi thức cao như: Trò Xuân Phả (Thọ Xuân), Ngũ trò Bôn (Đông Sơn), hoặc trò Chiêng, trò Chặt (Yên Định), múa đèn, chạy chữ ở Thiệu Hoá, TP. Thanh Hoá... Chèo chải, tế nữ quan được tổ chức ở nhiều vùng, miền trong hội làng, lễ hội đầu Xuân. Bên cạnh các trò chơi, trò diễn dân gian của người Kinh, trò chơi, trò diễn của các dân tộc thiểu số cũng rất phong phú như: Cây bông, Cây hoa, Pôn Pông, Xường, Rang, Bọ Mọng của người Mường; Cá Sa Kín Chiêng Bóoc Mạ, Khua Luống của người Thái; múa Chuông, múa Bả Rùa của người Dao... Những lễ hội văn hoá lịch sử tại đền Bà Triệu, đền Lê Hoàn, khu di tích lịch sử Lam Kinh, đền thờ Quang Trung; lễ hội dân gian tại đền thờ Mai An Tiêm, Nghè Sâm; lễ hội tôn giáo tại chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, cầu Ngự (Hậu Lộc), lễ hội đền Sòng, Phố Cát, đền Hàn,... đã cuốn hút đông đảo công chúng giao hoà trong sinh

hoạt văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, hướng con người vươn tới chân, thiện, mỹ.

Kho tàng văn hoá dân gian của Thanh Hoá được giữ gìn, bảo lưu đến nay khá đồ sộ. Lẫn theo truyền thuyết, huyền thoại dân gian, còn bắt gặp những ông thần gánh núi, lấp biển, đào sông, với vết tích của những bàn chân, những đòn gánh gãy, đất đá tung ra thành núi, thành đồi. Truyền thuyết về nguồn gốc loài người có ở các dân tộc Kinh, Mường, Thái, Mông... Truyền thuyết, cổ tích ca ngợi chiến công của các anh hùng dựng xây, bảo vệ làng xóm quê hương được truyền tụng qua nhiều thế hệ. Sử thi Đẻ đất, đẻ nước, gồm 2 vạn câu, của người Mường, phản ánh chân thật quan niệm về nguồn gốc hình thành, phát triển loài người, quá trình đấu tranh chinh phục thiên nhiên, gây dựng cuộc sống, chống kẻ thù xâm lược. Các truyện thơ Út Lót - Hồ Liêu, Nàng Nga - Hai Mối của người Mường,... Ú Thềm, Khăm Panh... của người Thái, truyện Phương Hoa của người Kinh,... là những bản tình ca phản ánh tình yêu lứa đôi, cuộc sống, khát vọng của người lao động. Tiếng cười dân gian hóm hỉnh thông minh, lúc thì khôi hài, trào phúng, lúc chế giễu, đả kích sâu cay (các truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột) đã phê phán thói hư tật xấu trong quan hệ ứng xử hàng ngày hoặc sự tham lam, tàn ác của lũ quan tham. Ở từng câu chuyện, người lương thiện có thể bị hại, nhưng tinh thần, ý chí đấu tranh chiến thắng cái ác, vươn tới cái thiện của họ không hề bị dập tắt. Xứ Thanh luôn là địa bàn chiến lược quan trọng, đất "phên dậu", hậu phương vững chắc trong tiến trình lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Đất Thanh đã sản sinh nhiều nhân vật kiệt xuất trong lịch sử. Hình tượng Bà Triệu uy nghi trên mình voi đề bẹp giặc Ngô năm 248; Dương Đình Nghệ, vị tướng tài ba, và người con rể Ngô Quyền với tài thao lược đã chấm dứt 1.000 năm Bắc thuộc tại trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938; Lê Hoàn giới cầm quân trị nước đánh tan giặc Tống ở cả đường bộ, đường thuỷ; Hồ Quý Ly có nhiều cải cách táo bạo, mưu toan xây dựng cơ nghiệp, song chí lớn chưa thành. Từ miền đất Lam Sơn, người hào trưởng Lê Lợi phất cờ đại nghĩa với hội thề Lũng Nhai, sau 10 năm gian lao vất vả, đã đánh đuổi giặc Minh bạo tàn ra khỏi đất nước...

Không chỉ là nơi sản sinh ra những nhân vật lịch sử, những dòng họ nổi tiếng (Ngô, Dương, Lê, Trịnh, Nguyễn...), xứ Thanh còn là đất của nhiều nhà văn hoá lớn. Khương Công Phụ quê ở Định Thành (Yên Định) thi đỗ tiến sỹ đời Đường (thế kỷ VIII) tại Trung Quốc: Ông là tiến sỹ đầu tiên của Việt Nam, bài phú *Mây trắng rọi biển Xuân* của ông là tác phẩm thành văn cổ nhất của nước ta; thần đồng Lê Văn Hưu, tác giả bộ *Đại Việt sử ký* gồm 30 cuốn, rất có giá trị, là ông tổ của ngành sử học nước ta, quê ở Thiệu Trung, Thiệu Hoá; noi gương ông, tể tướng Lê Hy, quê Đông Sơn, sau này đã hoàn chỉnh bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*; Lê Quát, Nguyễn Mộng Tuân, Lưu Hưng Hiếu, Lê Thánh Tông là những nhà văn, nhà thơ lớn của các đời Trần, Lê; Đào Duy Từ có tài thao lược ở nhiều lĩnh vực quân sự, kinh tế, nông nghiệp, văn hoá... Lương Đắc Bằng và Lương Hữu Khánh hai cha con cùng đỗ đại khoa (bảng nhãn và tiến sỹ). Nhữ Bá Sỹ, Lê Khắc Tháo, Tống Duy Tân... là những nhà thơ, nhà văn có tiếng ở cuối thế kỷ XIX.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xứ Thanh cũng là nơi có nhiều sĩ phu khí tiết như Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt - thủ lĩnh của khởi nghĩa Ba Đình. Trần Xuân Soạn, Tống Duy Tân, Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước tiếp tục cuộc chiến đấu chống Pháp hàng chục năm trời.

Đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh đã góp phần làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu, tiếng Điện Biên Phủ đến đó. Tiếng Điện Biên Phủ đến đâu đồng bào Thanh Hoá cũng có một phần vinh dự đến đấy".

Truyền thống vẻ vang oanh liệt đó tiếp tục được phát huy cao độ trong thời kỳ đánh Mỹ xâm lược. Đảng bộ và quân dân xứ Thanh đã cung cấp sức người sức của cho tiền tuyến: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", với lý tưởng cao đẹp: "Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù", "Đôi vai ngàn cân, đôi chân ngàn dặm", cùng với cả nước "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", làm nên đại thắng Mùa xuân 1975, thu

giang sơn về một mối, cùng cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Những truyền thuyết và huyền thoại về công cuộc dựng nước và giữ nước; những sự kiện, nhân vật, chiến công lịch sử oai hùng vẫn luôn ngời sáng trong tâm thức của người tỉnh Thanh. Truyền thống đó đã hun đúc, thổi bùng ngọn lửa cách mạng, tiềm năng của vùng đất "địa linh nhân kiệt" trong công cuộc dựng xây đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử, văn hoá quê hương, những năm gần đây, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về bảo tồn, phát huy các giá trị của di sản văn hoá vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Thực hiện *Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh năm 1984, Luật di sản văn hoá năm 2001, Nghị định 92 của Chính phủ ban hành năm 2002*, nhiều vốn văn hoá vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh đã được bảo tồn và phát huy tác dụng trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sau khi có Pháp lệnh số 14 năm 1984, nhất là từ công cuộc đổi mới đến nay, tỉnh đã cho thống kê, phân loại được 1.535 di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng và danh lam thắng cảnh, trong đó đã có trên 500 di tích được xếp hạng (gần 150 di tích quốc gia và trên 400 di tích cấp tỉnh). Những sắc phong, câu đối, đồ thờ, thần phả, gia phả, bản dập văn bia được sưu tầm và biên dịch. Bên cạnh nguồn đầu tư kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh và các huyện, thị, thành phố có nguồn kinh phí đối ứng, xã, phường vận động nhân dân ủng hộ công sức, tiền của để tu bổ, tôn tạo các di tích, danh thắng. Việc sưu tầm vốn dân ca, dân vũ, trò chơi, trò diễn của các tộc người cũng luôn được chú trọng. Cùng với việc xác định sử dụng nguồn lực con người và kinh phí tại địa phương là chủ yếu, tỉnh cũng đã làm tốt việc kêu gọi, phối hợp với các cơ quan ở Trung ương, các tổ chức nước ngoài trong nghiên cứu thành nhà Hồ, nhà cổ, dân ca, dân vũ. Nhiều lễ hội lịch sử văn hoá, dân gian được khôi phục, bảo lưu và tổ chức theo quy chế lễ hội đã vừa góp phần ngăn ngừa các hành vi lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan, buôn thần, bán thánh, vừa đáp ứng được nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của nhân dân như: Lễ hội đền

Wang Văn Việt: Di sản văn hóa trong quá trình phát triển...

Quang Trung, đền bà Triệu, đền Sòng Sơn, Lê Hoàn, Cầu Ngự, Bánh chưng bánh dày, Lam Kinh.... Tại các điểm di tích danh thắng đều có ban quản lý nên các hoạt động dịch vụ đều được bố trí hợp lý. Chính nhờ làm tốt công tác xã hội hoá mà nhiều di tích thoát khỏi tình trạng phế tích. Hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể đã góp phần làm rõ sắc thái văn hoá, khơi dậy lòng tự hào, tình yêu quê hương, đất nước. Nhiều cuốn sách địa chí văn hoá truyền thống, nghề thủ công truyền thống, giới thiệu di tích, danh thắng... được xuất bản gần đây đã giới thiệu và khẳng định sự đa dạng, phong phú của di sản văn hoá xứ Thanh. Những liên hoan, hội diễn nghệ thuật quần chúng, nhiều sáng tác mới cũng khai thác sử dụng vốn dân ca, dân vũ, hiện đại và truyền thống hoà quyện, tạo nên sự hài hoà cuốn hút của chương trình. Nhiều phong tục tập quán tốt đẹp của các tộc người trong lao động sản xuất, sinh hoạt, ứng xử được khôi phục, kế thừa. Bí quyết nghề nghiệp thủ công truyền thống, các món ẩm thực ở các vùng miền, được trao truyền và giới thiệu, đã thực sự cuốn hút được du khách.

Chính vì xác định rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của di sản văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nên những năm qua di sản văn hoá được tỉnh quan tâm đầu tư công sức, tiền của đúng mức. Chính mạch nguồn di sản văn hoá, nguồn sức mạnh tiềm tàng, đã cổ vũ, động viên cán bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh vươn lên trong thời kỳ hội nhập và phát triển cùng thế giới. Chính sức sống của di sản văn hoá đã góp phần ngăn chặn, từng bước đẩy lùi những gì phi văn hoá, phản văn hoá trong cơ chế thị trường. Để hội nhập và phát triển, để xứng đáng với tiềm năng của vùng đất địa linh nhân kiệt, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thanh Hoá là bảo lưu, kế thừa và phát huy các giá trị di sản văn hoá, đồng thời tiếp thu những tinh hoa của văn hoá thế giới để làm giàu cho bản sắc văn hoá dân tộc. Di sản văn hoá vẫn sẽ là sức mạnh tiềm tàng đưa Thanh Hoá vững bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cùng cả nước hội nhập và phát triển bền vững./

V.V.V